|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT KIẾN XƯƠNG  **TRƯỜNG THCS QUANG BÌNH** | **ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023 MÔN: NGỮ VĂN 7**  *Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)* |

**I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - MÔN NGỮ VĂN 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| Thế giới viễn tưởng |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 40 |
| Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - MÔN NGỮ VĂN 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | 3 TN | 5TN | 2TL | |  |
| Thế giới viễn tưởng | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu, những yếu tố mang tính “viễn tưởng” của truyện biễn tưởng (những tưởng tượng dựa trên những thành tựu khoa học đương thời).  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện viễn tưởng.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp, những điều mơ tưởng và những dự báo về tương lai mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật truyện khoa học viễn tưởng thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong văn bản |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả. | 1\* | 1\* | 1\* | | 1TL\* |
| Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | | **40** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS QUANG BÌNH** | **ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG GIỮA HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC 2022-2023**  **MÔN: NGỮ VĂN 7**  *Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)*  *(Đề có 02 trang)* |

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 *điểm*)**

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

*Hãy lao động cần cù gắng sức,*

*Ấy chân lưng sung túc nhất đời.*

*Phú nông gần đất xa trời*

*Họp riêng con lại ngỏ lời thiết tha*

*Rằng: “Ruộng đất ông cha để lại*

*Các con đừng khờ dại bán đi*

*Kho vàng chôn dưới đất kia*

*Cha không biết chỗ. Kiên trì gắng công*

*Tìm khắc thấy, cuối cùng sẽ thắng*

*Xốc ruộng lên tháng tám sau mùa*

*Tay cày, tay cuốc, tay bừa,*

*Xới qua xới lại chẳng chừa chỗ không”*

*Bố chết. Các con cùng gắng gổ*

*Lật tung đồng đây đó khắp nơi.*

*Kỹ càng công việc xong xuôi,*

*Cuối năm lúa tốt bời bời bội thu.*

*Vàng với bạc giấu mô chẳng thấy,*

*Rõ ràng ông bố ấy khôn ngoan:*

*Trước khi từ giã trần gian,*

*Lấy câu “lao động là vàng” dạy con.*

*(“Lão nông và các con” -* La Phông - ten, Tú Mỡ dịch*)*

**Câu 1.**  Đoạn thơ trên có nhắc đến những nhân vật nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. lão nông | B. những người con |
| C. bác nông dân | D. lão nông và các con |

**Câu 2.** Văn bản “***Lão nông và các con”*** thuộc thể loại nào?

A. Truyện thần thoại. B. Truyền thuyết. C. Thơ ngụ ngôn. D. Truyện cổ tích.

**Câu 3.** Nội dung lời dặn dò của người cha có liên quan đến câu tục ngữ nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Người sống, đống vàng. | B.Tấc đất tấc vàng. |
| C. Nhất nước, nhì phân, tam cần tứ giống. | D. Cần cù bù thông minh. |

**Câu 4.** Trong những câu thơ sau có mấy từ láy:

*Hãy lao động cần cù gắng sức,*

*Ấy chân lưng sung túc nhất đời.*

*Phú nông gần đất xa trời*

*Họp riêng con lại ngỏ lời thiết tha*

|  |  |
| --- | --- |
| A. một từ | B. hai từ |
| C. ba từ | D. bốn từ |

**Câu 5.** Dấu ngoặc kép trong câu thơ sau dùng để làm gì?

*Rằng: “Ruộng đất ông cha để lại*

*Các con đừng khờ dại bán đi...”*

1. Đánh dấu từ được hiểu theo nghĩa mỉa mai
2. Đánh dấu từ được hiểu theo nghĩa đặc biệt
3. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật
4. Đánh dấu tên tác phẩm.

**Câu 6.** Vì sao những người con lại có một mùa màng bội thu?

A. Do sự giúp đỡ của hàng xóm láng giềng.

B. Do họ biết cách trồng trọt.

C. Do thời tiết thuận lợi.

D. Do họ nghe lời người cha chăm chỉ cần cù lao động.

**Câu 7.** Theo bài thơ, **lão nông đang ở vào hoàn cảnh nào?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. già yếu và sắp mất | B. đang làm ăn phát đạt |
| C. đang chuẩn bị đi xa | D. đang chơi đùa cùng các con |

**Câu 8.** Câu thơ:

*Bố chết. Các con cùng gắng gổ*

*Lật tung đồng đây đó khắp nơi.*

sử dụng biện pháp tu từ nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. so sánh | B. nhân hóa |
| C. ẩn dụ | D. nói quá |

**Câu 9.** Cách dạy con của người cha có gì đặc biệt?

**Câu 10.** Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản? (*Viết khoảng 3 – 5 câu*)

**II. LÀM VĂN (4,0 *điểm*).**

Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về vấn đề mà em thấy đáng quan tâm trong cuộc sống.

*…………………***Hết***…………………*

Họ và tên học sinh:*……………………………..*SBD:*…………………………………*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS QUANG BÌNH** | **HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**  **MÔN NGỮ VĂN 7**  **Năm học 2022 -2023**  *Hướng dẫn này gồm 02 trang* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | D | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu được quan điểm của bản thân.  - Lí giải được lí do nêu ra. | 1,0 |
|  | **10** | - HS nêu được cụ thể bài học ***về giá trị của lao động***  - Lí giải được lí do nêu bài học ấy. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Bước đầu biết viết bài văn nghị luận theo đúng cấu trúc.* | **0,25** |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề:* nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành). | **0,25** |
|  | *c. Nghị luận về vấn đề trong đời sống*  HS nghị luận đảm bảo các nội dung sau:  - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.  - Giải thích vấn đề  - Biểu hiện của vấn đề.  - Bày tỏ ý kiến tán thành vì những lợi ích của vấn đề đối với cá nhân và môi trường xung quanh.  - Giải pháp để phát huy vấn đề đó.  - Bài học cho bản thân.  *\* Lưu ý: HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng lời văn lập luận phải thuyết phục. Giáo viên cần linh hoạt khi tiếp nhận sản phẩm của học sinh, tránh áp đặt.* | **2,5** |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | **0,5** |
|  | *e. Sáng tạo:* Bố cục mạch lạc, lí lẽ rõ ràng, dẫn chứng đa dạng, thuyết phục. | **0,5** |

**Lưu ý khi chấm bài:**

*Do đặc trưng của môn Ngữ văn, bài làm của học sinh cần được đánh giá tổng quát, tránh đếm ý cho điểm một cách máy móc, linh hoạt trong việc vận dụng Hướng dẫn chấm. Việc chi tiết hóa điểm số các ý (nếu có) phải đảm bảo không sai lệch với tổng điểm của mỗi phần và được thống nhất trong nhóm GV chấm.*

*Khuyến khích những bài viết có sáng tạo, nội dung bài viết có thể không trùng với yêu cầu trong đáp án nhưng lập luận thuyết phục, văn phong sáng rõ.*